TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/DS-ST
Ngày 13-5-2026
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh,

Bà Tạ Thị Hương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Mai Thị Nhật Linh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2026/QĐXX-ST ngày 03 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2026/QĐST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn H, xã N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đào Quang H, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn G, xã N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn H, xã N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Đình Đ trình bày:

Ông Nguyễn Đình Đ và bà Nguyễn Thị T kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K (nay là UBND xã N) theo quy định pháp luật. Khoảng tháng 3/2025, vợ chồng ông bà mở cửa hàng kinh doanh sắt xây dựng, tên hộ kinh doanh là: Hộ kinh doanh Nguyễn Đình Đ 1977, đặt trụ sở tại Thôn H, xã K, huyện K, thành phố Hải Phòng (nay là Thôn H, xã N, thành phố Hải Phòng). Chủ hộ kinh doanh là ông Nguyễn Đình Đ; bà Nguyễn Thị T là vợ, cùng ông Đ quản lý, vận hành các hoạt động của cửa hàng.

Trong các ngày 01/8/2025, ngày 03/8/2025 và ngày 05/8/2025, vợ chồng ông Đ, bà T có bán hàng hóa là sắt cho anh Đào Quang H, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn G, xã N, thành phố Hải Phòng. Cụ thể: ngày 01/8/2025, hóa đơn thanh toán là 45.400.000 đồng; ngày 03/8/2025, hóa đơn thanh toán là 1.510.000 đồng; ngày 05/8/2025, hóa đơn thanh toán là 810.000 đồng. Tổng số tiền của cả ba lần mua hàng là 47.720.000 đồng. Các hóa đơn bán hàng do bà Nguyễn Thị T viết và ký tại mục "người bán hàng"; anh Đào Quang H ký và ghi họ tên tại mục "người mua hàng".

Mục đích mua số sắt trên là để anh H sử dụng làm móng trong quá trình xây dựng nhà ở. Trước khi nhận hàng hóa, anh H hứa sẽ thanh toán số tiền 5.000.000 đồng ngay khi nhận hàng và thanh toán toàn bộ số tiền còn lại sau 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hàng. Tuy nhiên, sau khi nhận đủ hàng hóa, anh H không thanh toán tiền mua hàng như thỏa thuận ban đầu.

Do đó, ngày 10/8/2025, ông Nguyễn Đình Đ đã đến nhà anh H để lập "Giấy cam kết trả tiền mua sắt". Tại giấy cam kết này, anh H ký, ghi họ tên và tự tay viết dòng chữ "*17/8 CN thanh toán chả hết*", nghĩa là anh H hẹn đến ngày 17/8/2025 (ngày chủ nhật) sẽ thanh toán toàn bộ số tiền nợ mua sắt. Các bên không có thỏa thuận về việc trả lãi. Tuy nhiên, kể từ thời điểm đó đến nay, anh H chưa thanh toán cho vợ chồng ông Đ, bà T bất kỳ khoản tiền nào, đồng thời thường xuyên vắng mặt tại địa phương; ông Đ và bà T không biết địa chỉ nơi làm việc hiện nay của anh H.

Về số điện thoại liên lạc với anh H, ông Đ đã giao nộp cho Tòa án vi bằng thể hiện việc ghi âm cuộc gọi và tin nhắn Zalo giữa ông Đ và anh H. Theo đó, số thuê bao 0985.655.131 là của ông Đ, trong các cuộc hội thoại, giọng nữ là của bà T nghe máy, giọng nam là của ông Đ nghe máy; số thuê bao 0357.576.247 là của anh H. Ông Đ và anh H đã có nhiều cuộc hội thoại qua điện thoại vào ngày 18/7/2025; từ ngày 31/7/2025 đến hết ngày 18/8/2025. Theo đó, anh H đều thừa nhận có nợ khoản tiền trên nhưng hẹn sẽ trả sau.

Nay, ông Nguyễn Đình Đ khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc anh Đào Quang H phải trả số tiền nợ gốc mua sắt là 47.720.000 đồng (bốn mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng) phát sinh từ các lần mua hàng vào các ngày 01/8/2025, 03/8/2025 và 05/8/2025, cùng với tiền lãi theo quy định pháp luật với mức lãi suất 10%/năm, thời gian tính lãi kể từ ngày 18/8/2025 cho đến khi Tòa án giải quyết bằng bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T trình bày: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và lấy ý kiến của bà thì bà T thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình Đ và không có yêu cầu độc lập.

Bị đơn là anh Đào Quang H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, niêm yết công khai các văn bản tố tụng. Nhưng anh H không đến Tòa án để trình bày lời khai, tham gia phiên họp và hòa giải, từ chối khai báo, vắng mặt không có lý do chính đáng. Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ hai, anh H vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hải Phòng phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh H là bị đơn vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 116, 117, 119, 274, 275, 357, 385, 401, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự; Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình Đ. Buộc anh Đào Quang H phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Nguyễn Đình Đ, bà Nguyễn Thị T tổng số tiền là 51.236.899 đồng. Trong đó, số tiền gốc mua hàng tại các lần mua hàng ngày 01/8/2025, 03/8/2025 và 05/8/2025 là 47.720.000 đồng, số tiền lãi chậm trả từ ngày 18/8/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/5/2026 là 3.516.899 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí: Anh H phải chịu 2.561.845 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và công bố tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Đào Quang Hiệp có mua hàng hóa với vợ chồng ông Nguyễn Đình Đ, bà Nguyễn Thị T, loại hàng hóa là sắt để xây móng nhà. Nay vợ chồng ông Nguyễn Đình Đ, bà Nguyễn Thị T cùng yêu cầu anh Đào Quang H phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định, bao gồm thanh toán tiền gốc mua hàng và lãi trên số tiền chậm trả. Anh Đào Quang H có nơi cư trú tại Thôn G, xã N, thành phố Hải Phòng; căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, anh Đào Quang H là bị đơn vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Xét giao dịch dân sự giữa các bên: Ông Nguyễn Đình Đ và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng, kết hôn hợp pháp, cùng hoạt động kinh doanh sắt xây dựng thông qua Hộ kinh doanh Nguyễn Đình Đ 1977 do ông Đ làm chủ hộ, bà T cùng tham gia quản lý, vận hành. Trong các ngày 01/8/2025, 03/8/2025 và 05/8/2025, vợ chồng ông Đ, bà T đã bán sắt cho anh Đ1 Quang Hiệp với tổng số tiền là 47.720.000 đồng; các hóa đơn bán hàng đều do bà T lập, ký tại mục "người bán hàng" và anh H ký, ghi rõ họ tên tại mục "người mua hàng". Các bên có thỏa thuận về việc thanh toán, theo đó anh H sẽ thanh toán 5.000.000 đồng khi nhận hàng và thanh toán toàn bộ số tiền còn lại trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hàng; tuy nhiên, trên thực tế anh H không thực hiện việc thanh toán theo thỏa thuận này. Ngày 10/8/2025, các bên tiếp tục lập "*Giấy cam kết chả tiền mua sắt*", trong đó anh H cam kết đến ngày 17/8/2025 sẽ thanh toán toàn bộ số tiền nợ, thể hiện việc các bên đã thỏa thuận lại về thời hạn thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Xét thấy, giao dịch mua bán hàng hóa giữa các bên là giao dịch dân sự được xác lập trên cơ sở tự nguyện, các bên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các điều 116, 117, 119 Bộ luật Dân sự; quan hệ giữa các bên là quan hệ hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại các điều 385, 401, 430 Bộ luật Dân sự. Do đó, giao dịch này là hợp pháp, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc thanh toán tiền mua hàng:

[4.1] Về nghĩa vụ trả tiền gốc: Nguyên đơn đã cung cấp các hóa đơn bán hàng lập trong các ngày 01/8/2025, 03/8/2025 và 05/8/2025 thể hiện đã giao đầy đủ số hàng hóa là sắt cho anh Đ1 Quang Hiệp với tổng giá trị tiền hàng là 47.720.000 đồng. Ngoài ra, ngày 10/8/2025, các bên lập "*Giấy cam kết chả tiền mua sắt*", trong đó anh H ký, ghi họ tên và tự tay viết nội dung cam kết đến ngày 17/8/2025 sẽ thanh toán toàn bộ số tiền nợ, không thỏa thuận trả lãi. Tài liệu vi bằng do nguyên đơn giao nộp thể hiện nội dung các cuộc gọi, tin nhắn giữa ông Đ và anh H, trong đó anh H nhiều lần thừa nhận khoản nợ và hẹn trả nhưng không

thực hiện. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thanh toán khoản tiền nêu trên. Do đó, có đủ cơ sở xác định anh Đào Quang H đã nhận đầy đủ hàng hóa nhưng chưa thanh toán tiền, nên phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Nguyễn Đình Đ, bà Nguyễn Thị T số tiền gốc mua sắt là 47.720.000 đồng.

[4.2] Về nghĩa vụ trả tiền lãi trên số tiền chậm trả: Do bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền nên phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Ngày 17/8/2025 là thời hạn cuối cùng anh H cam kết thanh toán toàn bộ khoản nợ, nên thời gian chậm trả được tính từ ngày 18/8/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/5/2026 là 269 ngày. Do các bên không có thỏa thuận về việc trả lãi nên áp dụng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 10%/năm. Như vậy, số tiền lãi chậm trả anh H phải thanh toán là 47.720.000 đồng × 10% × 269 ngày : 365 ngày = 3.516.899 đồng.

[4.3] Tổng số tiền anh Đào Quang H phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Nguyễn Đình Đ, bà Nguyễn Thị T là: 47.720.000 đồng + 3.516.899 đồng = 51.236.899 đồng, phù hợp với quy định tại các điều 274, 275 và 440 Bộ luật Dân sự.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Đào Quang H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật là 51.236.899 đồng x 5% = 2.561.845 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 116, 117, 119, 274, 275, 357, 385, 401, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình Đ.

Buộc anh Đào Quang H phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Nguyễn Đình Đ, bà Nguyễn Thị T tổng số tiền là 51.236.899 đồng (năm mươi mốt triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm chín mươi chín đồng). Trong đó, số tiền gốc mua hàng tại các lần mua hàng ngày 01/8/2025, 03/8/2025 và 05/8/2025 là 47.720.000

đồng, số tiền lãi chậm trả từ ngày 18/8/2025 đến hết ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/5/2026 là 3.516.899 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Anh Đào Quang H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.561.845 đồng (hai triệu năm trăm sáu mươi mốt nghìn tám trăm bốn mươi lăm đồng).

Hoàn trả lại ông Nguyễn Đình Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.193.000 đồng (một triệu một trăm chín mươi ba nghìn đồng) theo biên lai số 0002800 ngày 01/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Đình Đ, bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Đào Quang H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND khu vực 6 – Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngà

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Thị Minh **Tạ Thị Hương** **Phạm Thị Ngà**